

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Hồ Huy Cường
2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án N dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát N dân huyện Gò Dầu, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án N dân huyện Gò Dầu, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phan Hồ Tố Q, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp BB, xã Hưng Thuận, thị xã TB, tỉnh TN, có mặt.

Bị đơn: anh Đoàn Hoàng N, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp SC B, xã PD, huyện GD, tỉnh TN, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị Q trình bày: chị Q và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Phước Đông ngày 08-02-2017; quá trình sống chung với nhau phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Nguyên N do anh N ăn chơi không lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến và không có tiếng nói chung. Nay chị Q yêu cầu ly hôn với anh N; con chung, tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh N vắng mặt nên không thể hiện lời khai và yêu cầu.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt.

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 2017 có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Q và anh N ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đoàn Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị Q và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Chị Q và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã phước Đông, huyện Gò Dầu nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 ly thân cho đến nay, nguyên nhân do anh N không lo lắng cho gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn kéo dài; từ khi ly thân cho đến nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho chị Q và anh N ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí: chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn N: Cho chị Phan Hồ Tố Q ly hôn với anh Đoàn Hoàng N.

2. Về con chung: không có.

3. Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: chị Phan Hồ Tố Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012765 ngày 28-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án chị Q có quyền kháng cáo lên Tòa án N dân tỉnh TN. Riêng anh N vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng